

Số: /TB-BVNT

Như Thanh, ngày 18 tháng 9 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện đa khoa Như Thanh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: Mua hoá chất, vật tư dùng cho máy xét nghiệm sinh hoá tự động CHEM RAY420 tại bệnh viện đa khoa Như Thanh sử dụng 12 tháng năm 2025-2026 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa Như Thanh
Khu phố 3 – Xã Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa
 - Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:
Ông: Lê Hữu Hiệp – Trưởng Khoa Dược bệnh viện đa khoa Như Thanh.
Điện thoại: 0974272923; Email: Lehiep.bvnt@gmail.com
 - Cách thức tiếp nhận báo giá:
 - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Khoa dược bệnh viện đa khoa Như Thanh.
Khu phố 3 – Xã Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa
 - Nhận qua email: Lehiep.bvnt@gmail.com
 - Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 07h ngày 18 tháng 9 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 27 tháng 9 năm 2025
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 24 tháng 9 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

- Danh mục yêu cầu báo giá.

STT	Danh mục	Mô tả về yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng	đơn vị tính
I	1. HÓA CHẤT, VẬT TƯ DÙNG CHO MÁY XÉT NGHIỆM SINH HÓA TỰ ĐỘNG CHEM RAY420			

1	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Aspartate Aminotransferase AST/GOT	Hóa chất để định lượng nồng độ AST trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Tris: 100mmol/L - NADH: 0.26mmol/L - EDTA: 3.5mmol/L) - Lactic dehydrogenase: 3.0KU/L R2: - Tris: 100mmol/L - L-aspartic acid: 240mmol/L - α-oxoglutarate: 12mmol/L) - MDH: 1.0KU/L Khoảng tuyến tính: 5U/L~550U/L(37°C)	8.775	MI
2	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Alanine Aminotransferase ALT/GPT	Hóa chất để định lượng nồng độ ALT trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - NADH: 0.24mmol/L - LDH: 3.0KU/L - EDTA: 5.5mmol/L R2: - Tris: 100mmol/L - L-alanine: 500mmol/L - α-oxoglutarate: 15mmol/L Khoảng tuyến tính: 5U/L~550U/L (37°C)	8.775	MI
3	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin toàn phần	Hóa chất để định lượng nồng độ Bilirubin toàn phần có trong huyết thanh Thành phần: Gồm R1, R2 và Calibrator - R1: Tartaric acid buffer và Surfactant 1 (Chất diện hoạt 1) - R2: Phosphate buffer, Sodium metavanadate và Surfactant 2 (Chất diện hoạt 2) - Calibrator: Bilirubin và chất bảo quản Khoảng tuyến tính: 0.5μmol/L ~ 330μmol/L (37°C)	500	MI
4	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Bilirubin trực tiếp	Hóa chất để định lượng nồng độ Bilirubin trực tiếp có trong huyết thanh Thành phần: Gồm R1, R2 và Calibrator - R1: Citric acid buffer và Surfactant 1 (Chất diện hoạt 1) - R2: Phosphate buffer, Sodium metavanadate và Surfactant 2 (Chất diện hoạt 2) - Calibrator: Direct bilirubin và chất bảo quản Khoảng tuyến tính: 0.5μmol/L~225μmol/L	500	MI
5	Hóa chất để định lượng nồng độ LDL cholesterol	Hóa chất để định lượng nồng độ LDL cholesterol trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - MOPSO: 48mmol/L - CHE: 2200U/L - Peroxidase: 2200U/L	800	MI

		- Surfactant 1 (Chất diện hoạt 1): 1.07ml/L - 4-aminophenazone: 2.8mmol/L - CHO: 1733U/L R2: - Surfactant 2 (chất diện hoạt 2): 0.034% - Chromogen: 4mmol/L - MOPSO: 2mmol/L Khoảng tuyến tính: 0.13mmol/L ~ 11.6mmol/L (5mg/dL ~ 450mg/dL) (37°C)		
6	Hóa chất để định lượng nồng độ HDL cholesterol	Hóa chất để định lượng nồng độ HDL cholesterol trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - 4-amino-antipyrine: 2.2mmol/L) - High-molecular compound: 0.026% - MES: 1.8 mmol/L R2: - Cholesterol esterase: 5200U/L - Cholesterol oxidase: 6600U/L - Peroxidase: 6600U/L - Surfactant (chất diện hoạt): 3.2ml/L) - Chromogen: 1.44mmol/L Khoảng tuyến tính: 0.13mmol/L ~ 3.88mmol/L (5mg/dL ~ 150mg/dL) (37°C)	800	MI
7	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Triglycerides	Hóa chất để định lượng nồng độ triglycerid trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Tris: 100mmol/L - ATP: 0.15mmol/L - DHBS: 1.2mmol/L) - Glycerol-3-phosphate oxidase: 3.8KU/L - Glycerol kinase: 1.0KU/L - Peroxidase: 0.6KU/L R2: - Tris: 100mmol/L - Lipoprotein lipase: 4.2KU/L - 4-aminophenazone: 0.5mmol/L Khoảng tuyến tính: 0.02mmol/L ~ 10mmol/L (37°C)	2.000	MI
8	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Cholesterol	Hóa chất để định lượng nồng độ cholesterol toàn phần trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - MOPSO: 50mmol/L - 4-aminophenazone: 0.4mmol/L - p-Hydroxybenzoic acid: 13.5mmol/L - POD: 0.4KU/L R2: - MOPSO: 50mmol/L - CHO: 0.3KU/L - CHE: 1.0KU/L	2.025	MI

		Khoảng tuyến tính: 0.08mmol/L ~ 20mmol/L (37°C)		
9	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Uric Acid	Hóa chất để định lượng nồng độ Acid Uric trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Potassium dihydrogen phosphate: 100mmol/L - Dipotassium hydrogen phosphate: 100mmol/L - Potassium ferrocyanide: 40μmol/L - Peroxidase: 0.5KU/L - 4-aminophenazone: 0.5mmol/L R2: - Potassium dihydrogen phosphate: 100mmol/L - Dipotassium hydrogen phosphate: 100mmol/L - DHBS: 2.5mmol/L - Uricase: 0.5KU/L Khoảng tuyến tính: 0.02mmol/L~1.50mmol/L(37°C)	750	MI
10	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Urea	Hóa chất để định lượng nồng độ urea trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - Tris: 100mmol/L - ADP: 2.0mmol/L - α-oxoglutarate: 7.0mmol/L - NADH: 0.3mmol/L - GLDH: 0.5KU/L R2: - Tris: 100mmol/L - Urease: 5.5KU/L Khoảng tuyến tính: 0.2mmol /L~50mmol /L (37°C)	6.750	MI
11	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Creatinine	Hóa chất để định lượng nồng độ CK trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - N-acetylcysteine: 20mmol/L - Imidazole: 100mmol/L - NADP: 2mmol/L - Glucose: 20mmol/L R2: - ADP: 2mmol/L - Creatine phosphate: 30mmol/L - HK: 3000U/L - G-6-PDH: 2500U/L Khoảng tuyến tính: 5U/L~1500U/L (37°C)	8.200	MI
12	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Protein toàn phần	Hóa chất để định lượng nồng độ Protein Total trong huyết thanh và huyết tương Thành phần: - Copper sulfate: 12mmol/L - Sodium hydroxide: 280mmol/L - Potassium sodium tartrate: 64mmol/L - Potassium iodide: 30mmol/L Khoảng tuyến tính: 0.5g/L~130g/L (37°C)	480	MI

13	Hóa chất dùng cho xét nghiệm Glucose	Hóa chất để định lượng nồng độ glucose trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: Gồm R1 và R2 R1: - Disodium hydrogen phosphate: 60mmol/L - Sodium dihydrogen phosphate: 40mmol/L) - p-Hydroxybenzoic acid: 11.0mmol/L R2: - 4-aminophenazone: 0.5mmol/L) - Glucose oxidase: 35KU/L - Peroxidase: 0.4KU/L Khoảng tuyến tính: 0.02mmol/L~40mmol/L (37°C)	11.925	ML
14	Hóa chất dùng cho xét nghiệm α -Amylase	Hóa chất để định lượng nồng độ α -amylase trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu Thành phần: Gồm R1 và R2: R1: - N-2-piperazine-N-ethanesulfonic acid: 52mmol/L - α -glucosidase: 6KU/L R2: - N-2-piperazine-N-ethanesulfonic acid: 52mmol/L - 4,6-ethylidene p-nitrophenyl maltoheptaoside: 31mmol/L Khoảng tuyến tính: 10U/L~1600U/L (37°C)	720	ML
15	Hóa chất để định lượng nồng độ Protein C-Reactive	Hóa chất để định lượng nồng độ protein C-reactive trong huyết thanh Thành phần: Gồm R1, R2 và Calibrator: - R1: phosphate buffer - R2: hỗn dịch hạt sensitized latex kháng CRP (người) - Calibrator: Protein C-reactive và chất bảo quản Khoảng tuyến tính: 1mg/L~100mg/L (37°C)	525	ML
16	Dung dịch rửa cho máy sinh hóa	Nước rửa sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa Rayto Thành phần chính: Chất hoạt động bề mặt	35.000	ML
17	Cuvet cho máy sinh hóa Rayto Chemray 420	Chiều dài quang học 5mm	100	Cái
18	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 2	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 2	100	ML
19	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 3	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng sinh hóa mức 3	100	ML
20	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hoá mức 3	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hoá mức 3	50	ML
21	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng CRP mức 2	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng CRP mức 2	7	ML
22	Hóa chất kiểm soát dùng cho	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng CRP mức 3	7	ML

	phản ứng CRP mức 3			
23	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng sinh hoá CRP	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng CRP	7	MI
24	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng Lipit mức 2	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng Lipid mức 2	15	MI
25	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng Lipit mức 3	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng Lipid mức 3	15	MI
26	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng HDL/LDL mức 2	Hóa chất kiểm soát dùng cho phản ứng HDL/LDL mức 2	12	MI
27	Bóng đèn cho máy sinh hóa	Bóng đèn dùng cho máy sinh hóa chemray 420	4	Cái
Tổng cộng : 27 khoản				

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt:

Bệnh viện đa khoa Như Thanh

Khu phố 3 – Xã Như Thanh – Tỉnh Thanh Hóa

Bên bán chịu trách nhiệm vận chuyển giao hàng tại kho bên mua.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Sau 5 ngày kể từ ngày nhận dự trù.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không quá 90 ngày kể từ ngày hai bên ký nghiệm thu bàn giao hàng.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Đăng tải: Website: <http://benhviendakhoanhuthanh.vn/>

- <https://muasamcong.mpi.gov.vn/web/guest>

- Lưu: VT, KD.

GIÁM ĐỐC

Hoàng Công Hưng